

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cúc H, sinh ngày 09-10-1984 (vắng mặt)
Căn cước số 089184001865 cấp ngày 02-01-2025
Nơi cư trú: Tổ D, ấp A, xã B, tỉnh An Giang.
Số điện thoại: 0385 394 895

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng A, sinh ngày 01-01-1983 (vắng mặt)
Căn cước công dân số 089083021586 cấp ngày 18-01-2022
Nơi cư trú: Tổ D, ấp A, xã B, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 06-5-2025 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-7-2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông Võ Hoàng A kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND, xã A, huyện C, tỉnh An Giang số 134 ngày 28/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm

2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông A mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Võ Hoàng A.

+Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hoàng G, sinh ngày 29-6-2008 và Võ Thị Yến N, sinh ngày 19-01-2014; hiện bà đang nuôi con. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Võ Hoàng A, nhưng ông A vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại Đơn xin ý kiến ngày 06-5-2025 cháu Võ Hoàng G, sinh ngày 29-6-2008, căn cước công dân số 089208013199 trình bày: Hiện tại cháu cùng địa chỉ cha mẹ Tổ D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nay ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ để chăm sóc chu đáo hơn và cho cháu được tiếp tục đi học.

Tại Đơn xin ý kiến ngày 06-5-2025 cháu Võ Thị Yến N, sinh ngày 19-01-2014, số định danh cá nhân 089314018185 trình bày: Hiện tại cháu cùng địa chỉ cha mẹ Tổ D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nay ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ để chăm sóc chu đáo hơn và cho cháu được tiếp tục đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H, bị đơn ông Võ Hoàng A, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông A vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Cúc H và ông Võ Hoàng A kết hôn vào năm 2005, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND, xã A, huyện C, tỉnh An Giang số 134 ngày 28-10-2005 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà H và ông A, nhưng bà H có đơn xin không tham gia hòa giải, ông A vắng mặt không tham gia hòa giải. Do đó, Tòa án không hòa giải được.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà H và ông A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Từ khi

sống ly thân cho đến nay cả bà H và ông A đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà H được ly hôn với ông A là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Bà H và ông A có 02 con chung, hiện bà H đang nuôi con. khi ly hôn bà H có yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy cháu G và cháu N đều đã trên 07 tuổi và cả 2 cháu cùng có nguyện vọng sống với bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao bà H được tiếp tục nuôi con.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H trình bày không có, ông A không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008360 ngày 18-6-2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Cúc H được ly hôn với ông Võ Hoàng A.

[2] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Cúc H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Hoàng G, sinh ngày 29-6-2008 và Võ Thị Yến N, sinh ngày 19-01-2014

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008360 ngày 18-6-2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang).

[4] *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cúc H, bị đơn ông Võ Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra, Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn UBND xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là UBND xã Bình Hòa, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà